

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2023
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 1, xã P, huyện H, tỉnh Nam Định. (vắng mặt có lý do)

Bị đơn: Chị Trần Thúy D, sinh năm 2003; địa chỉ: Xóm T, xã P1, huyện H, tỉnh Nam Định. (vắng mặt lần hai không lý do)

Người làm chứng:

Ông Trần Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm T, xã P1, huyện H, tỉnh Nam Định. (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02 tháng 3 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – anh Trần Quốc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Trần Thúy D đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, hai bên gia đình chuẩn bị để làm lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng chị D tự ý thay đổi ý kiến nên chưa tổ chức hôn lễ được, thực tế hai bên cũng chưa chung sống với nhau. Anh H đã liên hệ nhưng chị D trốn tránh, lý do không về giải quyết việc vợ chồng. Đến nay, anh H nhận thấy tình cảm với chị D đã không còn, quan điểm sống khác nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng không có con chung, hiện nay chị D cũng không có thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị D. Cụ Trần Thị Đ là bà nội, ông Trần Văn S là bố đẻ, cùng cư trú với chị D đã nhận thay và cam kết giao tận tay cho chị D các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ông S cho biết, lời khai của anh H về thời gian tìm hiểu, quá trình anh chị đăng ký kết hôn nhưng thực tế anh chị chưa tổ chức hôn lễ và chung sống với nhau là đúng, còn về nguyên nhân mâu thuẫn của hai bên cụ thể thế nào ông không được biết. Chị D đã biết việc anh H có đơn xin ly hôn với chị tại Tòa án thông qua việc nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập làm việc của Tòa án, chị D và gia đình ông S cũng nhất trí ly hôn, không có ý kiến gì. Về con chung và về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như anh H đã trình bày là đúng nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đến nay chị D vẫn không đến Tòa làm việc, không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Quốc H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Thúy D vắng mặt lần thứ hai không có lý do; người làm chứng ông Trần Văn S xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Quốc H và chị Trần Thúy D là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 25/11/2022 là hợp pháp. Hai bên xác định mới đăng ký kết hôn chưa về chung sống với nhau, tính tình nhiều điểm không hợp, chị D tự thay đổi ý kiến nên hai bên chưa tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương được. Nay anh H xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị D.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H với chị D, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D là trầm trọng, bản thân chị D biết việc anh H có đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình về việc anh H xin ly hôn cho Tòa án. Hơn nữa, hai bên cũng không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh Trần Quốc H ly hôn với chị Trần Thúy D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H và chị D không có con chung, không có tài sản, không vay mượn ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Quốc H là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Quốc H và chị Trần Thúy D.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Trần Quốc H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006590 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Anh Trần Quốc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 01 bản;
- UBND xã P: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng